

**BÀI TẬP CHỦ ĐỀ CÁC CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TRƯỚC
NĂM 1858 - PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI
MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 11 - NĂM HỌC 2025-2026
BÀI 9 CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY**

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Tiền giấy chẳng qua chỉ là mảnh giấy vuông, phí tốn chỉ đáng năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy vật đáng 5 - 6 trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Vả lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra không cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem xét kỹ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của hàng hoá thường vẫn lưu thông tức là sinh ra ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải là chế độ bình trị đâu”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.112)

- a) Tiền giấy “Thông bảo hội sao” mà Hồ Quý Ly ban hành dễ bị làm giả và khó cất giữ.
- b) Việc sử dụng tiền giấy thay tiền đồng không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hàng hóa lúc bấy giờ.
- c) Đoạn trích phê phán việc thay tiền đồng bằng tiền giấy của Hồ Quý Ly.
- d) Một trong những nhược điểm của việc sử dụng tiền giấy lúc bấy giờ là dễ bị làm giả.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thế giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống.

(Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hoà, *Cải cách Hồ Quý Ly*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012, tr.156)

- a) Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên tất cả mọi lĩnh vực.
- b) Cải cách về văn hóa, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiến bộ.
- c) Về chữ viết, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán, đồng thời vẫn cho phép người dân được sử dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ văn.
- d) Một trong những ưu điểm trong cải cách của Hồ Quý Ly là nội dung giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, mang tính quần chúng sâu sắc.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1397, tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền (ruộng tư). Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.291, 293)

- a) Chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly đã hạn chế sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất.
- b) Chính sách hạn điền được áp dụng với tất cả mọi đối tượng trong xã hội, kể cả Đại vương.
- c) Chính sách hạn điền chắc chắn sẽ vấp phải sự chống cự của quý tộc Trần và một bộ phận nông dân có ruộng tư.
- d) Với chính sách hạn điền, tùy theo chức vụ và cấp bậc, số lượng ruộng đất sở hữu của tư nhân sẽ ít dần đi.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1402, “Định lại các lệ thuế và tô ruộng. Triều trước mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng.

Bãi dâu triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hàng năm của đình nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy, từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan,... Đình nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dầu có ruộng cũng thôi không thu”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.203, 204)

- a) Trong cải cách của mình, Hồ Quý Ly đã cho điều chỉnh thế khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu.
- b) Nội dung cải cách trên đã hạn chế đáng kể sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân.
- c) Thế lệ thu thuế trong cải cách của Hồ Quý Ly được chia theo các hạng đất chứ không cao bằng như trước.
- d) Chính sách thu thuế của Hồ Quý Ly thể hiện sự nhân đạo và tiến bộ với một số đối tượng đặc biệt khó khăn trong xã hội.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1401, mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy sổ hiện tại làm thực số, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hễ có người Kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán.... Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan: “làm thế nào để có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc?” Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.201)

- a) Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng.
- b) Việc làm sổ hộ tịch trong cả nước đã chấn chỉnh tình trạng khai man hoặc ẩn lậu dân đình ở làng xã.
- c) Chính sách cải cách trên đã giúp nhà Hồ có thể tuyển lựa quân với số lượng lớn.
- d) Việc làm sổ hộ tịch trong cả nước vừa phục vụ yêu cầu an sinh xã hội vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng.

BÀI 10 CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nay quan gia còn trẻ thơ mà thiên tai xảy ra luôn, trăm (tức Lê Nhân Tông) rất lo sợ. Mối hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm để cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khỏi tội,..”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.372)

- a) Đoạn trích phản ánh mối lo ngại của vua Lê Nhân Tông về thực trạng kinh tế, chính trị của quốc gia lúc bấy giờ.
- b) Theo vua Lê Nhân Tông, một trong những nguyên nhân khiến triều đình có nhiều biến động là do tình trạng phe cánh, bè phái trong nội bộ hệ thống quan lại.
- c) Dưới thời vua Lê Nhân Tông, thiên tai xảy ra liên tiếp là do triều đình không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.
- d) Một bộ phận công thần dưới thời vua Lê Nhân Tông có nhiều biểu hiện của sự lộng quyền.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có

công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

- a) Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự.
- b) Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử.
- c) Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều.
- d) Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lí ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 109)

- a) Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế.
- b) Chế độ quân điền mà vua Lê Thánh Tông ban hành có điểm tích cực là đảm bảo cho người dân có ruộng đất để cày cấy, canh tác.
- c) Với chính sách quân điền, nhà nước Lê sơ trở thành thế lực địa chủ tối cao, làng xã biến thành đơn vị thay mặt nhà nước quản lý ruộng đất.
- d) Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chính sách quân điền gây ra nhiều hệ quả tiêu cực hơn là tích cực.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc.... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương.... Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau...”

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453).

- a) Lời dụ trên thể hiện nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền.
- b) Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, thừa ty.
- c) Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của vua Lê Thánh Tông.
- d) Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái kêu quan mà trả lại đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả lại đồ lễ, trái luật bị phạt 80 trượng” (Điều 322).

“Phá trộm dê làm thiệt hại nhà cửa, lúa má của dân thì xử tội đồ hay tội lưu và bắt đền thiệt hại” (Điều 596).

(Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê) (Viện Sử học dịch), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.113 – 114, 190)

a) Quốc triều hình luật là bộ luật tiêu biểu của quốc gia Đại Việt được ban hành dưới triều vua Lê Thánh Tông.

b) Điều 322 của bộ Quốc triều hình luật là một điều luật tiến bộ, đã bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ trong xã hội.

c) Điều 596 của bộ Quốc triều hình luật là một trong những điều luật quy định hình thức xử phạt của phạm nhân vi phạm trên lĩnh vực chính trị.

d) Với điều 596, ta có thể thấy rằng, bộ Quốc triều hình luật hướng tới bảo vệ những quyền lợi chân chính của nhân dân, nhất là nông dân.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, vua Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và quân điền. Với chế độ quân điền, người dân đều được cấp cho ruộng đất công để cày cấy. Thẻ lệ thuế khóa (thuế đinh, thuế ruộng, thuế đất bãi trồng dâu) được nhà nước quy định theo hạng. Việc canh nông được khuyến khích. Nhà nước đặt Hà đê quan và Khuyến nông quan để quản lý việc đê điều, nông nghiệp; đặt Đồn điền quan để khuyến khích việc khẩn hoang, mở rộng diện tích”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.70)

a) Chính sách quân điền và chính sách lộc điền được ban hành năm 1477 là một trong những cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, hành chính.

b) Người dân được nhận ruộng đất theo chế độ lộc điền phải thực hiện một số nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c) Hà đê quan, Khuyến nông quan, Đồn điền quan là những chức quan phụ trách quản lý và phát triển nông nghiệp.

d) Thẻ lệ thuế khóa đối với người dân được cấp ruộng đất để cày cấy thu theo từng hạng đất chứ không thu cào bằng.

BÀI 11 CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

a) Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.

b) Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ.

c) Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu...

d) Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong thì Nội các ở bên tả, Cơ mật viện ở bên hữu, ngoài thì võ có Ngũ quân Đô thống phủ, văn có đường quan Lục bộ: tả hữu có người, trong ngoài giúp nhau. Phàm những việc Lục bộ làm chưa đúng, thì Nội các hạch ra, những việc Nội các làm chưa hợp lẽ thì Cơ mật viện hạch ra, khiến cho ràng rịt nhau mới mong đến được thịnh trị”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.435)

- a) Lời dụ của vua Minh Mạng phản ánh tổ chức bộ máy chính quyền phong kiến ở cấp trung ương và địa phương.
- b) Nội các, Cơ mật viện, Lục bộ là những cơ quan chủ chốt trực tiếp giúp việc cho vua và chịu trách nhiệm trước nhà vua.
- c) Vua Minh Mạng rất coi trọng việc kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan chủ chốt trong triều.
- d) Ngũ quân Đô thống phủ là cơ quan chuyên môn giúp đỡ Lục bộ về tổ chức quân đội, võ bị ở các địa phương.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 9 năm 1832, Minh Mạng lập ra Đô sát viện. Nhiệm vụ của Đô sát viện là giám sát hoạt động của các quan chức trong hệ thống cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương. Đây là một cơ quan hoạt động độc lập, không chịu sự kiểm soát của bất kỳ một cơ quan nào ở triều đình ngoài nhà vua. Các quan chức của Đô sát viện có nhiệm vụ phối hợp với các Giám sát ngự sử 16 đạo để hoạt động kiểm soát và kiểm tra công việc của bộ máy quan lại ở địa phương”

(Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, *Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, 2009, tr.104)

- a) Đô sát viện là một cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương được vua Minh Mạng thành lập thế kỉ XVIII.
- b) Đô sát viện là cơ quan chỉ chịu sự kiểm soát và giám sát duy nhất của nhà vua.
- c) Đô sát viện có nhiệm vụ giám sát các cơ quan, quan lại các cấp từ trung ương đến địa phương.
- d) Trong việc kiểm tra, giám sát công việc của bộ máy quan lại ở địa phương, Đô sát viện hoạt động độc lập với các Giám sát ngự sử 16 đạo.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực và lĩnh vực nào cũng để lại dấu ấn tích cực và bài học lịch sử cho hậu thế. Một trong những dấu ấn cải cách trên lĩnh vực văn hóa của vua Minh Mạng là việc thành lập Quốc sử quán vào tháng 7 – 1820. Quốc sử quán vừa là một nội dung trong cải cách của Minh Mạng, vừa là cơ quan ghi lại rõ nhất những nội dung của cuộc cải cách dưới thời Minh Mạng và hoạt động của triều Nguyễn. Trong 125 năm tồn tại, Quốc sử quán đã để lại rất nhiều công trình đồ sộ về lịch sử, địa lý, văn hóa và con người Việt Nam. Đây là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu hiện nay trong việc nghiên cứu về Việt Nam thời Nguyễn”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr. 75)

- a) Đoạn trích cung cấp thông tin về những dấu ấn cải cách của vua Minh Mạng trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa.
- b) Quốc sử quán được thành lập dưới thời vua Minh Mạng là một cơ quan chuyên làm nhiệm vụ thu thập và biên soạn sách sử.
- c) Việc tìm hiểu, nghiên cứu về Việt Nam dưới thời Nguyễn chỉ có thể được thực hiện thông qua nguồn tài liệu mà Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép và để lại.

d) Cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực, nhưng để lại dấu ấn sâu sắc nhất là lĩnh vực văn hóa.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hiệu quả cải cách hành chính của Minh Mạng là đã tăng cường được tính thống nhất quốc gia, củng cố được vương triều Nguyễn, phần nào ổn định được xã hội sau hàng thế kỉ chiến tranh, vừa chống ngoại xâm vừa nội chiến liên miên. Nhưng bị hạn chế và không tạo nên được sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quan hệ quốc tế tốt đẹp, có khả năng kiềm chế được ngoại xâm”

(Văn Tạo, *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.251)

a) Đoạn tư liệu phản ánh tác động tích cực và hạn chế trong cải cách của vua Minh Mạng trên lĩnh vực hành chính.

b) Một trong những hiệu quả tích cực trong cải cách của vua Minh Mạng là tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với bên ngoài, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

c) Cải cách của vua Minh Mạng đã thống nhất các đơn vị hành chính địa phương trong cả nước, thông qua đó hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính.

d) Cải cách của vua Minh Mạng đã góp phần ổn định tình hình đất nước nhưng không tạo được động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, chính trị đất nước.